

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 486-TCHQ/PC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 1991

THÔNG TƯ
CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN

Hướng dẫn thi hành nghị định số 28/HĐBT ngày 6 tháng 2 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Điều 107 Nghị định số 28-HĐBT ngày 6-2-1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 20-2-1990;

Căn cứ Nghị định số 131-HĐBT ngày 27-8-1987 của Hội đồng Bộ trưởng quy định việc nhập khẩu và tái xuất khẩu ô tô và các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và học tập sinh hoạt của các cơ quan đại diện nước ngoài và người nước ngoài tại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhằm góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Tổng cục Hải quan hướng dẫn chi tiết thi hành các Điều 96, 97, 98 và 99 chương 10 Nghị định số 28-HĐBT ngày 6-2-1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Người nước ngoài đầu tư vào Việt Nam nói trong Thông tư này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư ở Việt Nam dưới các hình thức nêu ở Điều 4 Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; người nước ngoài vào Việt Nam để tìm hiểu và chuẩn bị cho việc đầu tư; và người nước ngoài làm việc cho các xí nghiệp đầu tư nước ngoài cũng như những người nước ngoài

(kể cả các thành viên trong gia đình họ và người giúp việc cùng đi) nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam theo Luật đầu tư.

2. Hàng hoá nói trong Thông tư này là:

- a) Vốn đầu tư như ghi ở Điều 7 Luật đầu tư;
- b) Nguyên, nhiên, vật liệu và tư liệu sản xuất để sản xuất hàng hoá, các loại phương tiện vận tải; các sản phẩm (bao gồm thành phẩm và bán thành phẩm) của các hình thức đầu tư nêu ở Điều 4 Luật đầu tư.
- c) Vật dụng cần thiết cho nhu cầu sinh hoạt cá nhân (không phải là tài sản của xí nghiệp) của người nước ngoài vào đầu tư ở Việt Nam nhập khẩu vào Việt Nam hoặc mua tại Việt Nam xuất ra nước ngoài.

3. Tất cả hàng hoá của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh khi nhập khẩu hoặc xuất khẩu (kể cả hàng hoá chưa hoàn thành thủ tục hải quan còn lưu lại các kho bãi của cơ quan vận chuyển hay của chủ hàng) đều chịu sự giám sát, kiểm tra của Hải quan Việt Nam và các quy định của Thông tư này.

4.

4.1. Hàng hoá của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu ở các điểm (2a), (2b) trên đây:

- a) Phải tuân thủ chế độ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ những hàng hoá được miễn thuế nhập khẩu quy định ở Điều 78 Nghị định số 28-HĐBT ngày 6-2-1991 của Hội đồng Bộ trưởng.
- b) Phải chịu các lệ phí liên quan khi nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hoá và vật dụng nêu ở điểm 2 trên đây; trừ trường hợp hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Điều 77 Nghị định 28-HĐBT ngày 6-2-1991 dẫn trên thì phía Việt Nam phải chịu lệ phí.

4.2. Những hàng hoá nêu tại các điểm (2a), (2b) trên đây được phép nhượng bán trên thị trường Việt Nam nhưng phải nộp các loại thuế theo đúng quy định của Điều 79 của Nghị định 28-HĐBT ngày 6-2-1991 của Hội đồng Bộ trưởng và các lệ phí có liên quan.

5. Những vật dụng cần thiết nêu ở điểm (2c) trên đây của cá nhân người nước ngoài nêu trong điểm (I.1) Thông tư này được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 131-HĐBT